

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 104 /KH - UBND

*Tuyên Quang, ngày 15 tháng 10 năm 2020*

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Kế hoạch số 410-KH/TU ngày 20/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới**

Căn cứ Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kế hoạch số 410-KH/TU ngày 20/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 54-KL/TW của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, giải pháp chủ yếu được xác định trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và đẩy nhanh tiến độ, chất lượng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

#### **2. Yêu cầu**

- Đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của nhà nước của chính quyền và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm thực hiện có hiệu quả Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị; Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 410-KH/TU ngày 20/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Nhiệm vụ giải pháp đề ra phải cụ thể, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính khả thi và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Tận dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có của địa phương, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa theo chuỗi liên kết, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Giá trị sản xuất (tính theo giá so sánh năm 2010) đạt trên 10.939 tỷ đồng (chiếm 18% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh), tăng bình quân đạt 4%/năm; tỷ lệ che phủ rừng trên 65%; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98%.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí của 47 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; đến năm 2025 có 68% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (30% xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao và 10% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu trong tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới); có thêm ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới: 100% số xã có cơ sở hạ tầng thủy lợi đạt chuẩn theo quy định (đảm bảo tỷ lệ tưới chắc cho lúa trên 80%); 100% số xã có cơ sở hạ tầng lưới điện đạt chuẩn theo quy định (100% số thôn và 99,5% số hộ gia đình trên địa bàn tỉnh sử dụng điện lưới quốc gia); 100% số xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, cơ sở hạ tầng thông tin - truyền thông, nhà ở dân cư đạt chuẩn theo quy định, đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; trên 68% số xã có cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, cơ sở vật chất văn hóa đạt chuẩn theo quy định.

- Đầu tư tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tăng trưởng từ 14% trở lên.

- Thu nhập trên ha canh tác bình quân 120 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 53 triệu đồng/người/năm.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2-2,5%/năm.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học từ mức độ 2 trở lên, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các bậc học: Mầm non trên 53%, tiểu học trên 70%, trung học cơ sở trên 70% và trung học phổ thông trên 35%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên 52%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) dưới 20%.
- Phấn đấu 100% người dân có thẻ Bảo hiểm Y tế.
- Trên 90% hộ gia đình đạt gia đình văn hoá; trên 80% số thôn, tổ dân phố đạt thôn, tổ dân phố văn hoá.
- 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn; 96% chất thải rắn thông thường được xử lý theo quy định.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Nâng cao nhận thức về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

- Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X), Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị, Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị, Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 110-KH/TU ngày 08/8/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XV); Kế hoạch số 410-KH/TU ngày 20/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) và phổ biến các văn bản liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới đến từng cán bộ, chính quyền, các cơ quan, doanh nghiệp và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ và nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của các Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch của Trung ương, của tỉnh.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện các hình thức hoạt động tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (*Đài Phát thanh - Truyền hình, kênh Báo chí, hệ thống truyền thanh xã, thôn...*) và các hình thức tổ chức (*hội nghị, hội thi, sân khấu hóa,...*); xây dựng và thực hiện các chuyên mục để kịp thời đưa tin các gương tiêu biểu, điển hình, cách chỉ đạo tốt, những mô hình, cách làm hay, sáng tạo trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới để nhân diện rộng. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” và phong trào thi đua “*Tuyên Quang chung sức xây dựng nông thôn mới*”.

- Nội dung tuyên truyền xác định rõ vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, coi phát triển sản xuất nông nghiệp là then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân giữ vai trò chủ thể trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

## **2. Đẩy mạnh tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại**

- Thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; chú trọng phát triển vùng sản xuất hàng hoá tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối với thị trường tiêu thụ; đồng thời giải quyết xử lý chất thải trong quá trình sản xuất để bảo vệ môi trường sống của người dân nông thôn.

- Đẩy mạnh thực hiện mô hình tăng trưởng nông nghiệp đa chức năng, an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, hiện đại, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế trong lĩnh vực nông nghiệp để xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chủ lực của tỉnh và những sản phẩm đặc sản có giá trị cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường; nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sức cạnh tranh gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế lâm nghiệp nhằm tạo nền tảng vững chắc để từng bước xây dựng, phát triển kinh tế lâm nghiệp của tỉnh thành hình mẫu của cả nước đến năm 2030. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh.

- Tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng. Huy động xã hội hóa các nguồn lực, thúc đẩy hợp tác công tư trong sản xuất nông nghiệp; phát triển chuỗi giá trị ngành hàng theo hình thức: Nhà nước hướng dẫn và hỗ trợ cung ứng các dịch vụ công, các doanh nghiệp tổ chức sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm.

## **3. Tập trung phát triển các ngành nghề công nghiệp, ngành nghề dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn**

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách phát triển ngành nghề nông thôn; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, các ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ, đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều lao động gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn đảm bảo phù hợp với thực tế của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; khuyến khích phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác. Chú trọng xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, xúc tiến thương mại, quảng bá nông sản. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa, nhất là sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị trong nước, xuất khẩu.

- Đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tổn thất sau thu hoạch, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ và dịch vụ hỗ trợ để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản.

#### **4. Chú trọng xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại**

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới toàn diện, đi vào chiều sâu, cải thiện trực tiếp điều kiện sống, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nhất là các vùng, địa phương còn nhiều khó khăn nhằm hoàn thành và nâng cao chất lượng các mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo, huy động sự vào cuộc quyết liệt, hiệu quả của cả hệ thống chính trị, sự tham gia chủ động tích cực của người dân và cộng đồng xã hội để thực hiện hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn đến năm 2030.

- Huy động, lồng ghép nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với các công trình hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, y tế, nước sạch, viễn thông, hạ tầng thương mại nông thôn, công trình phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, ...

- Nâng cao thu nhập của người dân nông thôn, hỗ trợ làm giàu, đẩy mạnh giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Hoàn thiện các thiết chế văn hóa nông thôn, xây dựng môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Chú trọng nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn. Tăng cường

công tác theo dõi, kiểm tra, thanh tra và giám sát cộng đồng trong việc thực hiện các chương trình, dự án; đảm bảo hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường, quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững.

- Nâng cao chất lượng các tiêu chí đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, nhất là các tiêu chí về nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của các đô thị văn minh, xanh, sạch, đẹp, giữ vững ổn định an ninh trật tự, giàu bản sắc văn hóa truyền thống.

- Tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030 gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn. Xây dựng nông thôn mới gắn với yêu cầu đô thị hóa, nhất là khu vực ven trung tâm thành phố, trung tâm huyện, thị trấn.

### **5. Thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội nông thôn, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa**

- Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 gắn với xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền và thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, duy trì trợ giúp thường xuyên cho 100% đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền đối với công tác giảm nghèo, chủ động phối hợp để phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc vận động hộ nghèo khắc phục khó khăn và xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chủ động vươn lên thoát nghèo; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách giảm nghèo, ưu tiên nguồn lực đầu tư khu vực còn nhiều khó khăn.

### **6. Bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai**

- Tăng cường năng lực trong các hoạt động nghiên cứu, dự báo và thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái ở khu vực nông thôn để giảm tối đa ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Nghiên cứu, xây dựng kịch bản tác động của biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện của từng địa phương, lựa chọn giải pháp ưu tiên để tập trung triển khai thực hiện, lồng ghép với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường năng lực trong các hoạt động nghiên cứu, dự báo và thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn hạn chế tối đa ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Trồng, chăm sóc, bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp. Phát huy có hiệu quả chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng.

- Thực hiện chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện nghiêm việc quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh, phát huy các tiềm năng phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ tài nguyên, môi trường nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong bảo vệ tài nguyên, môi trường. Ngăn chặn, xử lý nghiêm tình trạng khai thác và sử dụng tài nguyên trái phép, tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Tổ chức tuyên truyền và thực hiện có hiệu quả nội dung đợt phá năm 2020 "*Tuyên Quang chung tay xử lý rác thải và chống rác thải nhựa*".

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nhất là về công tác bảo vệ cảnh quan môi trường khu vực nông thôn. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách để khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường. Chuyển đổi mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn thực phẩm, có chứng nhận, có truy xuất nguồn gốc. Đẩy mạnh sản xuất theo phương thức hữu cơ, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp tăng giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn; triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp để nâng cao ý thức của nhân dân trong bảo vệ môi trường nói chung, đặc biệt là môi trường nông thôn.

## **7. Huy động các nguồn lực, thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn**

- Triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nhất là các cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, điện năng, môi trường, thị trường, lao động, đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với hộ nông dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và các chủ trương, chính sách hiện hành của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tiếp tục rà soát, đánh giá, điều chỉnh cơ chế chính sách, các chương trình, đề án đang thực hiện cho giai đoạn mới đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua hình thức đối tác công - tư; tranh thủ các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế thông qua các chương trình, dự án về nông nghiệp, nông thôn. Rà soát, phân loại các dự án đầu tư để có cơ chế lồng ghép, quản lý và sử dụng hợp lý nguồn vốn theo từng chương trình, dự án nhằm thu hút tối đa nguồn lực của xã hội đầu tư hỗ trợ cho khu vực nông thôn.

- Nghiên cứu ban hành chính sách phù hợp để hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tích tụ đất đai hình thành vùng sản xuất, chế biến tập trung; xây dựng kế hoạch sử dụng quỹ đất để quy hoạch các vùng sản xuất quy mô lớn, tập trung, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Tăng cường hỗ trợ kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng.

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, hiện đại nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro thiên tai, chủ động ứng phó trong mọi tình huống, đặc biệt là ngập lụt, bão lũ, hạn hán, sạt lở đất.

- Đa dạng hóa nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích, kêu gọi các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Huy động, lồng ghép nguồn lực ngay từ khâu xây dựng kế hoạch để sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; chú trọng quy hoạch hình thành các khu, cụm dân cư tập trung, gắn kết với quy hoạch phát triển sản xuất để tập trung phát triển hạ tầng và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các nhiệm vụ và giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

## **8. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất**

- Tiếp tục đổi mới và nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, trọng tâm là phát triển doanh nghiệp nông nghiệp. Đẩy mạnh liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt. Ưu tiên thu hút đầu tư đối với những doanh nghiệp có tiềm lực, đưa ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nhằm giảm chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh và xây dựng thương hiệu để phát triển bền vững. Tiếp tục rà soát, đánh giá, điều chỉnh chính sách cho giai đoạn mới đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Hoàn thành sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp, phát triển kinh tế trang trại theo hướng tổ chức liên kết giữa nông dân, tổ chức hợp tác của nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản để nâng cao thu nhập cho người dân và chuyển đổi cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các hợp tác xã nông lâm nghiệp và thủy sản; phấn đấu đến năm 2025 trên 50% số hợp tác xã nông lâm nghiệp hoạt động có hiệu quả/tổng số hợp tác xã nông lâm nghiệp; tăng cường tuyên truyền và thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế trang trại, gia trại.

### **9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn**

- Thực hiện các giải pháp đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động để tăng năng suất lao động nông nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp ở nông thôn; xây dựng, triển khai chương trình, đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn nhằm đảm bảo an sinh xã hội nông thôn; hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại và xuất khẩu lao động nông nghiệp.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương và định hướng phát triển dịch vụ, công nghiệp ở khu vực nông thôn theo thế mạnh của từng vùng và địa phương; thực hiện đào tạo nghề gắn với quy hoạch phát triển sản xuất, nhu cầu thị trường, nhu cầu của cá nhân, tổ chức sử dụng lao động, nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm sau đào tạo nghề.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm; nâng cao chất lượng trang thông tin thị trường lao động đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời diễn biến của thị trường lao động.

### **10. Đẩy mạnh khoa học và công nghệ**

- Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và khuyến nông, khuyến khích tối đa, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với cơ chế thị trường. Phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0 trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.

- Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ và ứng dụng khoa học công nghệ trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân, đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, phổ biến các giống mới, các quy trình sản xuất hiệu quả, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông trong nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt mối liên kết giữa “Nhà khoa học” với các đối tác tham gia liên kết, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 04/02/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ đã được phê duyệt. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.

- Nâng cao năng lực hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ đảm bảo đủ các yếu tố về cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người tiếp cận và chuyên tải được tiến bộ khoa học công nghệ của thế giới. Nâng cao năng lực hệ thống quản lý, nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo đủ giống có chất lượng tốt và giá trị thương mại cao, tạo đột phá mới về năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của ngành.

### **11. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế**

- Đẩy mạnh thông tin, truyền thông các nội dung về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Hỗ trợ thông tin về chủ trương phát triển ngành nông nghiệp, những mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp thành công, kinh nghiệm hay để phổ biến, nhân rộng. Nghiên cứu, đề xuất hỗ trợ nông dân đi học tập, trao đổi kinh nghiệm ở trong và ngoài nước.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường nông sản, tăng sức cạnh tranh; thúc đẩy các hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với hội nhập và hợp tác quốc tế; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhân dân.

## **12. Đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn.**

- Đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính nhà nước, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân; phát huy hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh, các thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục rà soát, nghiên cứu ban hành chính sách của tỉnh để thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về làm việc ở nông thôn, đặc biệt đối với lực lượng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn: Kiện toàn tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định. Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc sở, làm rõ chức năng hành chính công, xóa bỏ trùng lặp, tăng cường hệ thống quản lý nhà nước về nông nghiệp cho cấp huyện, xã. Tiếp tục rà soát, củng cố tổ chức thú y, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, bảo đảm các điều kiện về cán bộ và phương tiện, kịp thời, không chế và dập tắt các dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng, tăng cường kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm.

*(Có biểu danh mục các nhiệm vụ, chương trình, đề án kèm theo)*

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, căn cứ Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Kết luận của Bộ Chính trị; các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch thực hiện của Ủy ban nhân dân tỉnh để xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của ngành, đơn vị, địa phương mình, hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh: Tăng cường chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ, chất lượng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo đúng chương trình, kế hoạch từng giai đoạn; đảm bảo quy chế dân chủ, công khai, minh bạch; kịp thời hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

**3.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện và nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với Phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức xây dựng nông thôn mới”. Tăng cường công tác giám sát và phản biện xã hội trong việc triển khai, thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Mỗi tổ chức chính trị - xã hội đăng ký thực hiện nội dung cụ thể, phù hợp trong chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

**4.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi chặt chẽ việc tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện và đề xuất biện pháp chỉ đạo kịp thời với Ủy ban nhân dân tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- BCĐ các Chương trình MTQG TW;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- VP Điều phối NTM tỉnh;
- Chuyên viên NLN;
- Lưu VT, (Hòa).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Giang**

**KẾ HOẠCH**  
**THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 410-KH/TU NGÀY 20/7/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**  
**VỀ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 54-KL/TW NGÀY 07/8/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ**  
**QUYẾTTRUNG ƯƠNG 7 KHÓA XV VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 104 /KH-UBND ngày 15 / 10 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan quyết định ban hành
<b>I</b>	<b>XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN MỚI</b>				
1	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, giai đoạn 2020-2025.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2020	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2020	HĐND tỉnh
3	Quyết định sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2020	UBND tỉnh
4	Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Năm 2020	UBND tỉnh
5	Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025.	Sở Giao thông Vận tải	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời hạn hoàn thành</b>	<b>Cơ quan quyết định ban hành</b>
6	Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh về mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016 - 2020.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2021	HĐND tỉnh
7	Kế hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
8	Kế hoạch về phát triển Hợp tác xã nông lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
9	Đề án phát triển hợp tác, liên kết sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
10	Kế hoạch thực hiện Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm - OCOP" tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời hạn hoàn thành</b>	<b>Cơ quan quyết định ban hành</b>
11	Kế hoạch hành động đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
12	Xác định vùng canh tác hữu cơ cho một số cây trồng chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
13	Quy định về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ của tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
14	Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
15	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
16	Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, và trường đạt chuẩn quốc gia cấp mầm non, phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	UBND tỉnh

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời hạn hoàn thành</b>	<b>Cơ quan quyết định ban hành</b>
17	Kế hoạch thực hiện việc tập huấn và triển khai tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ tài nguyên, môi trường, về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, các phòng giáo dục và đào tạo	Năm 2021	UBND tỉnh
18	Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.	Sở Khoa học và Công nghệ	Một số sở, ngành; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
19	Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, và các tổ chức có liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
20	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
21	Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2021	UBND tỉnh
22	Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo và Bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp theo quy định.	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND huyện, thành phố	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành có liên quan.	Năm 2021	
<b>II</b>	<b>TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động TB và Xã hội	Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; UBND huyện, thành phố; các doanh nghiệp	2021-2025	

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời hạn hoàn thành</b>	<b>Cơ quan quyết định ban hành</b>
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; UBND huyện, thành phố; các xã	2021-2025	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Ban Dân tộc tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; UBND huyện, thành phố; các xã	2021-2030	
<b>III</b>	<b>TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH</b>				
1	Đề án kiên cố hoá kênh mương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã được phê duyệt.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
2	Đề án bê tông hóa đường giao thông nội đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã được phê duyệt.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, ban ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
3	Đề án xây dựng nhà văn thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã được phê duyệt.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
4	Kế hoạch phát triển mở rộng thực hiện thuê bao các trạm đo mưa tự động, các thiết bị cảnh báo sớm góp phần tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo ở vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh; các Sở ngành có liên quan; UBND cấp huyện, xã	Hàng năm	
5	Đề án Phát triển kinh tế lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2035.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện thành phố; các đơn vị trực thuộc Sở; các sở, ngành có liên quan	Hàng năm	

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời hạn hoàn thành</b>	<b>Cơ quan quyết định ban hành</b>
6	Đề án Phát triển thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện thành phố; các đơn vị trực thuộc Sở; các sở, ngành có liên quan	Hàng năm	
7	Đề án phát triển chăn nuôi trâu hàng hóa theo chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện thành phố; các đơn vị trực thuộc Sở; các sở, ngành có liên quan	Hàng năm	
8	Đề án "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam.	Hội Nông dân tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể	Hàng năm	
9	Tiếp tục triển khai Kế hoạch phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế - VH - XH nông thôn.	Hội Nông dân tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể	Hàng năm	
10	Tiếp tục thực hiện Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
11	Tiếp tục thực hiện Đề án khuyến công quốc gia và địa phương.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
12	Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2025” theo Quyết định phê duyệt của Chính phủ.	Sở Lao động TB và Xã hội	Các sở, Ban, ngành; UBND huyện, thành phố; các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	Hàng năm	
13	Tham mưu, bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời hạn hoàn thành</b>	<b>Cơ quan quyết định ban hành</b>
14	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; UBND huyện, thành phố; các xã	Hằng năm	
15	Đề án bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật và nâng cao nhận thức, hành động của người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.	UBND huyện, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan liên quan	Hằng năm	
16	Đề án củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động thông tin truyền thông cơ sở tỉnh Tuyên Quang.	Sở Thông tin và Truyền thông	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh; UBND huyện, thành phố	Hằng năm	
<b>IV</b>	<b>TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH</b>				
1	Chính sách phát triển ngành nghề nông thôn.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hằng năm	
2	Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hằng năm	
3	Chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hằng năm	
4	Chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hằng năm	
5	Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hằng năm	

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời hạn hoàn thành</b>	<b>Cơ quan quyết định ban hành</b>
6	Chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
7	Chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng trên cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
8	Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Hàng năm	
9	Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND huyện thành phố, các xã	Hàng năm	
10	Chính sách khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân	Hàng năm	

